

TRONG SỐ NÀY:

- Giá trị sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2015 - Nguyên nhân giảm GDP
- Giải pháp phục hồi tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm 2015
 - Thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp
 - Đầu tư nghiên cứu và ứng dụng KHCN vào sản xuất - Giải pháp then chốt thúc đẩy tái cơ cấu ngành
 - Cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015 - NGUYÊN NHÂN GIẢM GDP

Sau một năm gặt hái nhiều thành công, 6 tháng đầu năm 2015 như “nốt trầm” của ngành nông nghiệp khi ngay từ những tháng đầu năm liên tiếp đón nhận những thông tin kém vui: nhiều nông sản chủ lực gặp khó trong xuất khẩu, kim ngạch giảm đáng kể đối với gạo, thủy sản, cà phê,...

Theo Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2015 ước tính tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014 và là mức tăng cao nhất từ năm 2009, trong đó:

- Nông, lâm, thủy sản: 2,36% (chỉ đóng góp 0,42 điểm phần trăm)
- Công nghiệp và xây dựng: 9,09%
- Thương mại, dịch vụ: 5,9%
- Chế biến-chế tạo: 9,58%

Đối với ngành nông nghiệp:

- Ngành Thủy sản: 3,3%
- Ngành Nông nghiệp: 1,9% (ngành trồng trọt thấp nhất: 1,08%)
- Ngành Lâm nghiệp: 8,3%



XUẤT KHẨU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015:

Tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng toàn ngành nông nghiệp ước đạt 14,42 tỷ USD, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 6,93 tỷ USD, giảm 5,7%, giảm rất mạnh ở các mặt hàng như cà phê (35,1%) và gạo (10,5%); Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 2,97 tỷ USD, giảm 16%, giảm mạnh ở thị trường lớn nhất là Mỹ (29,07%); Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 3,29 tỷ USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2014. Thặng dư thương mại toàn ngành đạt 3,05 tỷ USD, giảm 32,1% so với cùng kỳ 2014.

NGUYÊN NHÂN TÌNH TRẠNG TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP GIẢM SÚT 6 THÁNG QUA

Tại Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2015 của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, nhiều đại biểu từ các cơ quan quản lý, các địa phương và các chuyên gia đã chỉ ra những nguyên nhân của tình trạng giảm sút giá trị sản xuất ngành nông nghiệp thời gian qua.

1. Những vấn đề về thị trường,

Giá nông sản đã giảm mạnh do nguồn “cung” của một số mặt hàng nông sản đã vượt “cầu”.



7 tháng đầu năm nay, cả nước xuất khẩu được khoảng 3,72 triệu tấn gạo các loại, đạt 1,59 tỷ USD, giảm 3,1% về lượng và 8,3% về giá trị so với cùng kỳ¹.

Nguyên nhân của sự sụt giảm là do nguồn cung gạo trên thế giới dồi dào dẫn tới sự cạnh tranh khốc liệt. Theo đó, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trong nước phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ thị trường Thái Lan, Ấn Độ, Pakistan, Myanmar.

Một nguyên nhân nữa cũng ảnh hưởng tới xuất khẩu nông sản là hiện đã có một số nước phản ứng rất nhanh khi họ điều chỉnh phá giá đồng tiền như Brazil, Colombia, Ấn Độ, Thái Lan... nên giá xuất khẩu nông sản của họ rẻ hơn gây khó khăn cho nông sản của Việt Nam. Mặt khác, thị trường xuất khẩu nông sản của Việt Nam cũng phụ thuộc khá mạnh vào Trung Quốc (chiếm khoảng 17%), chưa kể nhiều mặt hàng ta xuất khẩu sang thị trường này thì bản thân Trung Quốc cũng tự trồng được như vải, thanh long, dưa hấu...².

2. Thiếu hạ tầng cơ sở thị trường

Thời gian qua chúng ta để “điểm trống” lớn trong hệ thống hạ tầng, đặc biệt là chợ đầu mối, chợ lớn khiến luân chuyển hàng hóa không thuận lợi. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng được mùa, mất giá.

Ngoài ra, việc thiếu hạ tầng còn khiến tổn thất sau thu hoạch rất lớn, làm giảm giá trị sản phẩm. Còn thiếu cơ chế chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia phân phối như: chợ, cửa hàng tiện lợi... chưa có điều kiện phát triển ở nông thôn. Đồng thời, hệ thống hạ tầng sau thu hoạch phát triển chưa tốt, nên chỉ có một số mặt hàng như gạo, cà phê có kho sau chế biến, nhưng chất lượng chưa cao nên việc tạm trữ chưa thuận lợi cho chế biến, xuất khẩu³.

3. Ảnh hưởng nghiêm trọng của thời tiết, hạn hán:

Hạn hán xảy ra nghiêm trọng ở các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, khốc liệt nhất trong vòng 40 năm qua. Đây là một trong những lý do khiến ngành trồng trọt có tốc độ tăng thấp nhất 1,08%, giảm hơn một nửa so với cùng kỳ năm 2014. Trồng trọt là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất (50,7%) nên khiến tốc độ tăng trưởng của toàn ngành bị kéo xuống thấp như vậy⁴. “Đây là vấn đề đáng lo cần chung lưng giải quyết bởi nông nghiệp là trụ đỡ của nền kinh tế, thu hút nhiều lao động, góp phần an sinh xã hội”⁵.



4. Hạn chế về phương thức và quan hệ sản xuất, thiếu liên kết chuỗi giá trị, thiếu thông tin thị trường và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp

- Sự sụt giảm này còn là biểu hiện rõ nhất của những hạn chế, yếu kém của nền nông nghiệp dựa trên kinh tế hộ manh mún, thiếu liên kết, năng suất và chất lượng thấp. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt sẽ khó có thể chống đỡ. Sự hình thành và phát triển của phương thức tổ chức sản xuất, quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp còn chậm; chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều mặt hàng nông sản thấp.

- Thiếu sự kết nối thông tin từ sản xuất đến thị trường. “Thông tin hai bên vẫn không gặp nhau ở chỗ cơ quan quản lý Nhà nước không thể phủ sóng ở khắp mọi nơi và người sản xuất chưa đủ nhạy bén để thu thập những thông tin đó”⁶.

- Thiếu vai trò dẫn dắt phát triển sản xuất, đầu tư nâng cao giá trị gia tăng, tăng khả năng cạnh tranh trong thương mại nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu thị trường. Thực tế cho thấy, hiện có đến 70 - 80% nông sản Việt Nam là xuất khẩu thô. Đây là tình trạng bất hợp lý khiến thu nhập của nông dân và doanh nghiệp thấp.

¹Phó Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) Huỳnh Minh Huệ

²Viện trưởng Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn TS. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn

³Thứ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh

⁴ Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi Nguyễn Văn Tinh

⁵Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bùi Quang Vinh

⁶Trường phòng Chế biến, Cục Chế biến NLTS và nghề muối Nguyễn Mạnh Dũng

GIẢI PHÁP PHỤC HỒI TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP 6 THÁNG CUỐI 2015

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Cao Đức Phát chỉ đạo: “Sáu tháng cuối 2015, ngành nông nghiệp vẫn phải duy trì tốc độ tăng trưởng như 6 tháng vừa qua nhưng phải nỗ lực gia tăng thêm 10.000 tỷ đồng. Giá trị gia tăng sản xuất toàn ngành 6 tháng đầu năm nay khoảng 12.000 tỷ đồng, 6 tháng cuối năm, ngành phải làm ra thêm 22.000 tỷ đồng mới đạt tăng trưởng với giá trị tổng sản lượng là 3,4% và giá trị gia tăng xấp xỉ 3% như mong đợi của Chính phủ”.



Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2015, ngày 01/7/2015

Để đạt mục tiêu như trên cần có giải pháp quyết liệt và mang tính đột phá vì theo nhiều dự báo, thị trường nông sản thế giới trong thời gian tới tiếp tục có xu hướng đi ngang hoặc suy giảm. Trong khi đó, khi hội nhập kinh tế quốc tế càng sâu, thì không chỉ có sự cạnh tranh về giá và chất lượng với các nước ngày càng mạnh mà chúng ta còn phải cạnh tranh ngay ở thị trường nội địa. Thêm vào đó, thời tiết có xu hướng ngày càng bất ổn, hạn hán, siêu bão... vì thế, nhất thiết giải pháp phải đột phá thì mới xử lý triệt để. Các nhóm giải pháp phục hồi tăng trưởng nông nghiệp: Rà soát lại các chuỗi giá trị đối với các sản phẩm có thị trường; Mở rộng sản xuất để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh. Cụ thể:

- Thúc đẩy tái cơ cấu các tiểu ngành: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp
- Đầu tư KHCN và công nghệ cao vào phát triển nông nghiệp, nông thôn
- Cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào phát triển sản xuất

1. Thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhanh và đúng hướng theo tín hiệu thị trường

Đối với ngành trồng trọt

Để phục hồi sức tăng trưởng của ngành, cần phải:

- Thay đổi tư duy trong phát triển trồng trọt, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, hội nhập, cạnh tranh quốc tế và phát triển bền vững;
- Tổ chức lại sản xuất được xác định là động lực thúc đẩy quá trình thực hiện tái cơ cấu ngành. Phát triển các hình thức tổ chức xã hội dân sự của nông dân như hợp tác xã, hiệp hội ngành hàng...
- Tăng cường liên kết giữa nông dân, các tổ chức nông dân và doanh nghiệp để hợp tác đầu tư sản xuất, chế biến, kinh doanh tiêu thụ sản phẩm. Doanh nghiệp đóng vai trò đầu tàu, dẫn dắt phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng thị trường xuất khẩu, đem lại giá trị cao hơn cho nông sản.



Về lúa gạo:

- Mục tiêu đến 2020, chuyển đổi 700.000ha đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có giá trị và thích hợp với điều kiện tự nhiên tốt hơn.
- Tiếp tục hỗ trợ nông dân sản xuất lúa gạo có chất lượng cao hơn để tiêu thụ trong nước, đồng thời theo dõi diễn biến thị trường thế giới.
- Triển khai Đề án “Phát triển thương hiệu gạo Việt Nam” nhằm tới phân khúc thị trường gạo chất lượng cao và đặc sản cho xuất khẩu, nâng cao khả năng cạnh tranh, giá trị của sản phẩm trên các thị trường có yêu cầu khắt khe về chất lượng như EU, Mỹ, Nhật...



Thực hiện việc tổ chức liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa gạo, tập trung chỉ đạo cơ cấu giống lúa trong từng vụ sản xuất, xây dựng quy trình canh tác từ 1 - 2 giống lúa tại các cánh đồng lớn - vùng nguyên liệu theo hướng xây dựng thương hiệu để có sự đồng nhất về chất lượng, tạo thuận lợi từ khâu sản xuất đến thu hoạch, chế biến và tiêu thụ.

Ông Akira Ichikawa, Tổng giám đốc chi nhánh Công ty Lương thực Seibu Nousan tại Việt Nam (đơn vị chuẩn bị sản xuất gạo Japonica ở Việt Nam để xuất khẩu), đưa ra hai nguyên nhân chính khiến gạo Việt Nam chưa vào được thị trường Nhật là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; tỉ lệ gạo Indica (gạo hạt dài) bị lẫn trong gạo Japonica cao (hơn 17%).

Theo TS. Lê Huy Hàm, Viện trưởng Viện Di truyền Nông nghiệp: thời gian tới, Việt Nam cần tập trung vào những giống lúa có tiềm năng xuất khẩu cao và xây dựng thương hiệu cụ thể cho một giống lúa nào đó. Bởi thương hiệu gạo của Việt Nam nói chung hiện nay là bao gồm tất cả các loại gạo, nên chúng ta phải xây dựng thương hiệu cho một vài giống lúa chủ lực, như thế chúng ta mới thực sự có thương hiệu gạo thế giới. Lúc đó, chúng ta mới có giá xuất khẩu cao, thâm nhập và cạnh tranh được tại các thị trường xuất khẩu cao cấp.

Đối với ngành thủy sản



Trong 6 tháng đầu năm 2015, ngành thủy sản tiếp tục duy trì tăng trưởng với tổng sản lượng ước đạt 3.065 nghìn tấn. Trong đó, nuôi trồng ước đạt 1.830 nghìn tấn, khai thác ước 1.235 nghìn tấn. So với cùng kỳ năm ngoái tăng 3,6% về tổng sản lượng, tăng 4% về khai thác thủy sản và 3,3% về nuôi trồng. Riêng sản lượng tôm nước lợ tiếp tục đạt mức tăng cao, khoảng 21%. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, ước tính 6 tháng đầu năm, giá trị tăng thêm theo giá so sánh năm 2010 ngành thủy sản đạt 164.910 tỷ đồng, tăng 3,3% so cùng kỳ năm ngoái, chiếm tỷ trọng 17,6% giá trị tăng thêm toàn ngành nông nghiệp.

Trên cơ sở kết quả 6 tháng đầu năm và dự báo những tháng cuối năm, ngành thủy sản phấn đấu đạt 6.400 nghìn tấn, với sản lượng khai thác 2.600 nghìn tấn và nuôi trồng 3.800 nghìn tấn. Để đạt mục tiêu này, về công tác chỉ đạo điều hành từ nay đến cuối năm 2015 cần triển khai đồng bộ hàng loạt các giải pháp, cụ thể:

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước chuyên ngành về chất lượng giống, vật tư phục vụ sản xuất. Triển khai và hướng dẫn cho nông, ngư dân thả nuôi trong điều kiện thời tiết thuận lợi.
- Về khai thác thủy sản, tiếp tục thực hiện Nghị định 67 của Chính phủ, đồng thời đảm bảo an toàn cho người và tàu cá của ngư dân hoạt động tại các ngư trường.
- Tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho nuôi trồng thủy sản.
- Đầu tư công nghệ cao trong phát triển sản xuất, tăng năng suất và giá trị gia tăng của sản phẩm.
- Tăng cường công tác thú y thủy sản. Phòng chống dịch bệnh gắn chặt với quản lý nuôi trồng thông qua quản lý tốt các loại vật tư đầu vào, con giống được an toàn dịch bệnh, môi trường vùng nuôi và áp dụng công nghệ nuôi trồng tiên tiến.
- Tăng cường liên kết giữa người dân và doanh nghiệp, gắn sản xuất với thị trường.

Hoạt động nuôi trồng thủy sản do phải đối mặt với tình hình thời tiết nắng nóng bất thường và những khó khăn, cản trở về thị trường tiêu thụ nên sản lượng nuôi các mặt hàng chủ lực (tôm, cá tra) giảm so với cùng kỳ, trong đó sản lượng tôm đạt 236.000 tấn, giảm 2,5%, cá tra cũng giảm mạnh.

"Hiện nay, thời tiết ở vùng nuôi đã thuận hơn, thúc đẩy nông dân nuôi tôm chân trắng, tôm sú trong những tháng cuối năm. Đặc biệt với mô hình lúa-tôm, diện tích lên đến 200.000ha, chúng ta hoàn toàn có thể nâng năng suất tôm sú lên, từ đó tạo đà tăng trưởng cho ngành"⁷.



Nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh trong nhà kính

Đối với ngành chăn nuôi

"Chăn nuôi là ngành lớn thứ hai trong nông nghiệp của Việt Nam, tuy nhiên nó lại bị coi là ngành kém cạnh tranh, không bền vững và dễ chịu tác động xấu của các hiệp định thương mại tự do"⁸. Vì vậy, cần thay đổi nhận thức và cách tiếp cận để phát triển ngành chăn nuôi theo hướng hàng hóa, cạnh tranh cao về chất lượng, giá trị trong tiêu dùng và xuất khẩu, tạo ra nhiều khuôn khổ dẫn dắt ngành chăn nuôi phát triển hiệu quả và bền vững hơn. Phát triển chăn nuôi theo chuỗi liên kết, xây dựng mới các liên kết trong chăn nuôi góp phần tạo đột phá trong gia tăng giá trị các sản phẩm chăn nuôi.

⁷Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Thủy sản Phạm Anh Tuấn

⁸Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) TS. Nguyễn Đức Thành

Một số giải pháp cụ thể:

- Tập trung vào năng suất, chất lượng về con giống.
- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng theo chuỗi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- Tổ chức lại sản xuất áp dụng công nghệ cao, giảm chi phí, giá thành trong chăn nuôi và thú y.
- Cải cách thủ tục hành chính, vận dụng các chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển chăn nuôi quy mô lớn.



Đối với ngành lâm nghiệp



Không giống như ngành trồng trọt, ngành lâm nghiệp đạt được mức tăng trưởng tốt nhất trong nhiều năm trở lại đây với con số ấn tượng: 8,3%.

“Thời tiết khá thuận lợi cộng với công tác chuẩn bị giống, hiện trường thực hiện tốt, nên kết quả trồng rừng đạt cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế đến tháng 6, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 85.000ha, tăng 19%; diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 360.000ha, tăng 16,2%; diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh đạt 604.700ha, rừng được giao khoán bảo vệ đạt 4.805,2 nghìn hecta, tương đương với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 3.470 nghìn mét khối, tăng 11,7%”⁹.

Nhiệm vụ triển khai 6 tháng cuối năm:

- Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và tái cơ cấu các lâm trường quốc doanh và công ty lâm nghiệp Nhà nước.
- Tạo điều kiện hỗ trợ tốt hơn cho xuất khẩu gỗ, rà soát chính sách thuế trong lâm nghiệp, nhằm khuyến khích và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh lâm sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm sau chế biến.
- Phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác trong lâm nghiệp, xây dựng mô hình hợp tác công tư trong lâm nghiệp, đưa số hợp tác xã trong lâm nghiệp ít nhất tăng 200% vào năm 2020 so với năm 2011. Tạo điều kiện thuận lợi về thể chế và các hình thức đa dạng, linh hoạt để nông dân, hộ gia đình góp giá trị quyền sử dụng đất cùng doanh nghiệp nhằm tập trung tích tụ đất cho tổ chức sản xuất lâm nghiệp quy mô lớn, phát triển bền vững.

2. Đầu tư nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất - Giải pháp then chốt thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Tại hội thảo, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Cao Đức Phát khẳng định: “Trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, vai trò của doanh nghiệp ngày càng quan trọng. Một trong những trọng tâm chính sách được đề ra và thực hiện quyết liệt trong Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp là đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ (KH-CN) trong nông nghiệp với sự tham gia tích cực của tất cả các thành phần kinh tế từ Trung ương đến địa phương, trong đó Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, nông dân là chủ thể và doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt...”.



Hội thảo “Cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong nông nghiệp, ngày 02/7/2015 tại Hà Nội.

⁹Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp Nguyễn Bá Ngải

“Thời gian qua, Nhà nước đã quan tâm tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và chuyển giao KHCN trong nông nghiệp. Hệ thống nghiên cứu được tăng cường, nhiều kết quả nghiên cứu được chuyển giao vào thực tế góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Cơ chế hoạt động KHCN cũng có sự đổi mới theo hướng xã hội hóa, đã huy động được sự tham gia của các hình thức kinh tế, nhiều doanh nghiệp đã chủ động đầu tư vào thành lập các trung tâm nghiên cứu KHCN, chủ động triển khai các hoạt động nghiên cứu, liên kết hợp tác với viện, trường trong công tác chuyển giao.

Tuy nhiên, ngành nông nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết tiềm năng. Đó là tình trạng trình độ KHCN nông nghiệp trong nhiều lĩnh vực nước ta còn thấp và chậm phát triển, có khoảng cách khá xa so với thế giới và khu vực, chưa đáp ứng được yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển KT-XH.

Thành tựu mới chỉ đạt được đối với một số sản phẩm chủ lực như tôm, cá tra, lúa, ngô, tiêu, cà phê, cao su và một số cây trồng khác. Còn nhiều hạn chế trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y. Chưa làm chủ được công nghệ tạo giống, vaccin, chế phẩm sinh học trong phòng chống dịch bệnh...”¹⁰.

Bộ trưởng Cao Đức Phát đề nghị: “Người làm khoa học dù ở viện, trường hay doanh nghiệp cũng cần chung tay tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đưa KHCN vào sản xuất, kinh doanh tạo ra sản phẩm góp phần phát triển KT-XH, để Việt Nam không mãi mãi là một nước thu nhập trung bình hoặc thu nhập trung bình thấp, để những Nghị quyết của Đảng về KHCN trở thành hiện thực trong thời gian tới”.

Chính sách khuyến khích đầu tư công nghệ cao vào nông nghiệp, nông thôn

Việt Nam đã công nhận 11 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao (CNC). Phát triển nông nghiệp công nghệ cao (CNC) sẽ tập trung vào 3 hướng: Tạo và phát triển công nghệ; quy hoạch những khu và vùng nông nghiệp ứng dụng CNC; và công nhận những doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC¹¹.

Đến năm 2020, Việt Nam sẽ xây dựng 10 khu nông nghiệp ứng dụng CNC, trong đó có 8 khu đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập (Quyết định số 575/QĐ-TTg).

Ngoài 2 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang và Phú Yên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tiếp tục quy hoạch và xây dựng 8 khu nông nghiệp ứng dụng CNC đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, gồm: Thái Nguyên, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Cần Thơ.



Khu Nông nghiệp công nghệ cao tại Tp. Hồ Chí Minh. (Nguồn ảnh: TTXVN)

Theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ thì các vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao được tập trung tại Tây Nguyên, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ; các vùng sản xuất chè ứng dụng công nghệ cao tập trung tại Thái Nguyên và Lâm Đồng; các vùng sản xuất thanh long ứng dụng công nghệ cao tập trung tại Bình Thuận.

Các vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao tập trung tại Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Tp. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng; các vùng sản xuất hoa ứng dụng công nghệ cao tập trung tại Lào Cai, Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng; các vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực xuất khẩu ứng dụng công nghệ cao tập trung tại Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Các vùng chăn nuôi bò sữa ứng dụng công nghệ cao tập trung tại Sơn La, Hà Nội, Nghệ An và Lâm Đồng; các vùng chăn nuôi lợn ngoại ứng dụng công nghệ cao tập trung tại vùng đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ; các vùng chăn nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao tập trung tại vùng đồng bằng sông Hồng, Đông Bắc, Bắc Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Các vùng sản xuất tôm nước mặn, nước lợ ứng dụng công nghệ cao tập trung tại vùng đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

¹⁰Thư trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Quốc Doanh

¹¹Vụ trưởng Vụ KHCN, Bộ Nông nghiệp và PTNT Nguyễn Thị Thanh Thủy

Những điển hình đầu tư công nghệ nông nghiệp cao thành công

Trang trại của Tập đoàn TH (thương hiệu TH true MILK) tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An đạt danh hiệu “Trang trại chăn nuôi bò sữa tập trung, ứng dụng công nghệ cao có quy mô lớn nhất Châu Á”. Dự án “Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tươi sạch tập trung, quy mô công nghiệp” của TH triển khai từ tháng 10/2009 trên diện tích 37 nghìn ha với tổng vốn đầu tư 1,2 tỷ USD. Hiện, dự án đã đạt tổng đàn bò 45 nghìn con với năng suất sữa bình quân: 40 lít/con/ngày.

Bộ trưởng Cao Đức Phát chia sẻ: “Thành công của TH đã đem lại niềm tin đối với tương lai phát triển ngành bò sữa Việt Nam, bởi ngay cả ở vùng đất khó khăn như Nghệ An, quê hương của gió Lào, mà nhờ công nghệ cao, vẫn có thể chăn nuôi được bò sữa”.



Trang trại bò sữa của Tập đoàn TH

Tuy nhiên, thực tế trong nông nghiệp ứng dụng CNC đối với doanh nghiệp đòi hỏi đầu tư tương đối lớn vì đầu tư cho CNC đòi hỏi hàm lượng công nghệ, chi phí công nghệ và cơ sở hạ tầng là một yêu cầu tất yếu, không phải doanh nghiệp nào cũng có khả năng đầu tư. Chính vì vậy, việc có những chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước cho các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC để họ có thể tiếp cận được nguồn vốn, chế độ, chính sách ưu đãi về đất, về đầu tư để doanh nghiệp có thể có nền tảng ban đầu để triển khai nghiên cứu và ứng dụng những mô hình nông nghiệp ứng dụng CNC đi vào thực tiễn.

Hiệp hội các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp (ATE) tại Việt Nam được thành lập vào tháng 2/2013 quy tụ các doanh nghiệp Việt Nam có mục tiêu chung là ứng dụng công nghệ cao nhằm hiện đại hóa và với tư duy mới đổi mới mô thức sản xuất tăng trưởng nông nghiệp.



Hội thảo “Giải pháp phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao” do Báo Nhân Dân phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Hiệp hội Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ATE) tổ chức.



Bộ trưởng Cao Đức Phát nhận định tại Hội nghị “Ứng dụng CNSH trong Nông nghiệp”, ngày 27/6/2015 tại Hà Nội.

“Trước đây chúng ta làm theo cơ chế cũ: Chính phủ cho bao nhiêu tiền thì ta làm bấy nhiêu. Nay, cần có cơ chế mở để xã hội tham gia. Đây chính là đất dụng võ của các chuyên gia, các nghiên cứu mới đi thẳng vào cuộc sống và mới có thể đem lại cuộc sống cho cán bộ nghiên cứu. Giải pháp sắp tới quan trọng nhất không phải là chia sẻ tài mà là cơ chế chính sách thu hút doanh nghiệp tham gia...”

3. Cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016, xác định mục tiêu là: “Tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính... Cải cách toàn diện các quy định về điều kiện kinh doanh, về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu theo hướng chuyển sang hậu kiểm”. Cũng theo mục tiêu của Nghị quyết là phấn đấu các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh của nước ta đạt và vượt mức trung bình của nhóm nước ASEAN 6 vào cuối năm 2015 và ASEAN 4 vào cuối năm 2016. Để đạt mục tiêu nêu trên, Nghị quyết đề ra 13 nhiệm vụ, giải pháp tổng thể và 80 giải pháp cụ thể cho các Bộ, cơ quan và địa phương.

Cải thiện môi trường kinh doanh là biện pháp có hiệu quả nhất trong những biện pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nó giúp cho các doanh nghiệp, doanh nhân tiết kiệm được rất nhiều thời gian, tiền bạc, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế. Hiện nay nhiều nội dung cải cách về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cần có những giải pháp cụ thể tạo ra sức ép phải thực hiện đối với các cán bộ, công chức cấp thừa hành, trực tiếp làm việc với người dân và doanh nghiệp. Nếu không, đội ngũ này sẽ có thể vô hiệu hóa những tiến bộ của các cải cách được đưa ra từ lãnh đạo cấp cao. Có những quy định rõ ràng hơn, đầy đủ hơn trách nhiệm của từng vị trí công chức của các cơ quan quản lý nhà nước, những người trực tiếp làm việc với doanh nghiệp, người dân.

Giải trình tại phiên họp UBTVQH ngày 10/8/2015, Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng cho biết, qua quá trình rà soát tại các Bộ, ngành đã bãi bỏ nhiều loại phí, lệ phí. Tuy nhiên, số lượng các loại phí hiện đang thực hiện tại các cơ quan quản lý còn rất lớn, phức tạp. Ví dụ như ở ngành nông nghiệp, sau khi rà soát, bãi bỏ, hiện vẫn còn hơn 1.000 loại phí, lệ phí (90 loại lệ phí và 937 loại phí) trong quản lý Nhà nước về nông nghiệp.

Theo Pháp lệnh Phí và lệ phí, cả nước có tổng cộng 72 loại phí và 42 lệ phí. Song rà soát của Bộ Tài chính cho thấy có 22 luật, 30 nghị định và 200 thông tư khác vẫn quy định về các loại phí và lệ phí với hàng trăm loại khác nhau và cần tiếp tục tổng rà soát. Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng cũng cho biết, Bộ Tài chính đang tiếp tục làm việc với các Bộ, ngành để rà soát, bãi bỏ, chuyển sang giá đối với nhiều loại phí, lệ phí, với tinh thần chuyển mạnh sang cơ chế thị trường.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản gửi Bộ Tài chính đề nghị bãi bỏ 31 loại phí, lệ phí kiểm dịch thú y đang đánh vào con gà, quả trứng. Bộ sẽ tiếp tục rà soát thêm các loại phí khác không cần thiết để giảm tối đa cho doanh nghiệp và người dân. Một số loại phí sẽ được chuyển sang cơ chế giá, còn một số vẫn phải thực hiện. Những khâu, sản phẩm nào đã có phí rồi thì sẽ bỏ bớt lệ phí và cân đối ngân sách Nhà nước để làm bù cho nhiệm vụ đó, còn doanh nghiệp và người dân không phải nộp để giảm bớt giá thành chăn nuôi. Sau khi Luật Phí và lệ phí được Quốc hội xem xét vào cuối năm nay, nhiều khả năng sẽ tiếp tục cắt giảm bớt các phí, lệ phí trong nông nghiệp¹².



Cần phải sửa ngay các quy định để tránh tình trạng “Một con gà hay quả trứng phải công từ 14-17 loại thuế, phí khác nhau từ thuế nhập khẩu thức ăn, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y, đến thuế VAT và các loại phí kiểm dịch.”

¹²Vụ trưởng Vụ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT Phạm Văn Hưng

Giấy phép xuất bản số: 32/GP-XBBT, ngày 19/07/2010, Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông

Hợp tác xuất bản: Công ty Cổ phần truyền thông và xây dựng Danko

Ý kiến đóng góp xin gửi về: Văn phòng ISG, Phòng 102-104, Nhà B4, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Tel: 04 37711 736 ❖ Email: isgmard@mard.gov.vn ❖ Website: www.isgmard.org.vn